

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG**

NCS. ĐỖ HOÀI NAM

**CHÍNH SÁCH THU HÚT CÔNG NGHỆ
NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

Mã số: 62. 31. 07. 01

Hà Nội, 2011

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	8
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án	9
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Luận án	10
4. Tình hình nghiên cứu liên quan tới luận án	10
5. Phương pháp nghiên cứu	12
6. Đóng góp của Luận án	12
7. Bố cục của Luận án:	12
CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHÍNH SÁCH THU HÚT CÔNG NGHỆ NƯỚC NGOÀI	14
1.1. Công nghệ và chuyển giao công nghệ	14
1.1.1 Công nghệ (Technology)	14
1.1.2. Quản lý công nghệ	18
1.1.3. Đổi mới và phát triển công nghệ	20
1.1.4. Chuyển giao công nghệ	21
1.2. Chính sách thu hút công nghệ nước ngoài trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia	27
1.2.1. Chính sách thu hút công nghệ và phát triển công nghệ quốc gia	28
1.2.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng chính sách thu hút công nghệ nước ngoài	31
1.2.3. Tính tất yếu khách quan phải có chính sách thu hút chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam	43
1.3 Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về thu hút công nghệ nước ngoài ..	49
1.3.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc	49
1.3.2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc	54
1.3.3. Kinh nghiệm thu hút công nghệ nước ngoài của Nhật Bản	62
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG VÀ CHÍNH SÁCH THU HÚT CÔNG NGHỆ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM THỜI GIAN QUA	69
2.1. Thực trạng thị trường công nghệ Việt Nam trong những năm qua	69
2.2. Thực trạng thu hút công nghệ nước ngoài vào Việt Nam trong những năm qua	90
2.2.1. Thực trạng thu hút CGCN nước ngoài vào Việt Nam qua kênh đầu tư trực tiếp nước ngoài	90
2.2.2. Thực trạng thu hút CGCN vào Việt Nam qua các dự án đầu tư hoàn toàn bằng vốn trong nước và vốn vay nước ngoài (kênh trực tiếp mua công nghệ nước ngoài)	108
2.3. Thực trạng môi trường pháp lý hiện hành cho hoạt động chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam	112
2.4. Thực trạng chính sách thu hút công nghệ nước ngoài vào Việt Nam hiện nay	117
2.4.1. Chính sách về công nghệ và CGCN chưa phù hợp với yêu cầu của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế	117

2.4.2. Thực tiễn quản lý Nhà nước trong lĩnh vực CGCN còn nhiều bất cập.....	123
2.4.3. Thực tiễn CGCN cho đến nay còn nhiều điểm bất cập:.....	125
CHƯƠNG III. CÁC GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THU HÚT CÔNG NGHỆ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI	128
3.1. Những định hướng lớn về chính sách chuyển giao công nghệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế trong chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ Việt Nam đến 2020.	128
3.1.1. Quan điểm cơ bản của Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ Việt Nam đến 2020.	128
3.1.2. Các hướng công nghệ trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội làm cơ sở cho chính sách thu hút công nghệ nước ngoài vào Việt nam	129
3.2 Khuyến nghị việc hoàn thiện những nội dung của chính sách phát triển công nghệ quốc gia trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế	136
3.3. Khuyến nghị việc đổi mới chính sách thu hút công nghệ nước ngoài vào Việt Nam trong thời gian tới (thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài, qua mua bán thiết bị, máy móc có chứa đựng công nghệ và qua các kênh khác,..)	139
3.3.1. Hệ thống các pháp luật liên quan đến chuyển giao công nghệ phải tiếp tục được hoàn thiện và thể hiện rõ :	139
3.3.2. Đổi mới các nguyên tắc ứng xử với đầu tư nước ngoài	141
3.3.3. Khuyến khích hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Khuyến khích và tạo điều kiện tối đa cho việc thành lập các cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nước ngoài ở Việt Nam	142
3.3.4. Triệt để khai thác và tận dụng hiệu quả các công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý qua các dự án hỗ trợ kỹ thuật và dự án đầu tư bằng nguồn vốn phát triển chính thức - ODA.....	142
3.3.5. Hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện cho các nhà khoa học, các chuyên gia kỹ thuật trong mọi lĩnh vực, không phân biệt thành phần kinh tế, tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế, trao đổi học thuật, giao lưu với cộng đồng khoa học và công nghệ quốc tế	143
3.3.6. Xây dựng hệ thống thông tin công nghệ quốc gia để có thể đảm nhận tốt các vai trò tình báo công nghệ, thu thập, phân tích và dự báo các thành tựu công nghệ, đảm bảo cung cấp các thông tin thiết thực cho đổi mới, mua bán công nghệ của các cơ sở nghiên cứu và sản xuất trong nước	144
3.4 Các giải pháp đổi mới và hoàn thiện chính sách thu hút công nghệ nước ngoài vào Việt Nam	144
3.4.1 Giải pháp hoàn thiện các văn bản pháp luật	144
3.4.2 Giải pháp đổi mới và hoàn thiện chính sách quản lý nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao đến năm 2020.	146
3.4.3 Giải pháp đổi mới và hoàn thiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ cao, cụ thể:	146
3.4.4 Giải pháp đổi mới và hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận và làm chủ công nghệ mới, công nghệ cao, bao gồm:	147
3.4.5 Xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện thành công chiến lược phát triển công nghệ quốc gia	147
KẾT LUẬN	149
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC CÔNG BỐ.....	151

TÀI LIỆU THAM KHẢO152

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

- Danh mục các ký hiệu, chữ viết tắt bằng tiếng Việt

VIẾT TẮT	TIẾNG VIỆT
CGCN	Chuyển giao công nghệ
CNSH	Công nghệ sinh học
CNTT-TT	Công nghệ thông tin-truyền thông
CNH-HĐH	Công nghiệp hoá - hiện đại hoá
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
MITI	Bộ Thương mại và Công nghiệp quốc tế
QLNN	Quản lý Nhà nước

- Danh mục các ký hiệu, chữ viết tắt bằng tiếng Anh

VIẾT TẮT	TIẾNG ANH	TIẾNG VIỆT
ESCAP	Economic and Social Commission for Asia and the Pacific	Ủy ban Kinh tế và Xã hội khu vực Châu Á-Thái Bình Dương
EU	Europe Union	Liên minh Châu Âu
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
OECD	Organization Economic Cooperation Development	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
R&D	Research and Development	Nghiên cứu và Phát triển
S&T	Science and Technology	Khoa học và Công nghệ
WB	World Bank	Ngân hàng thế giới
UNIDO	United Nations Industrial Development Organization	Tổ chức Phát triển của Liên hợp quốc
UNCTAD	United Nations Conference on Trade and Development	Hội nghị phát triển thương mại quốc tế của Liên hợp quốc

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

	Tên bảng, biểu	Trang
Bảng 1.1	Nhập khẩu trang thiết bị công nghệ của Trung Quốc những năm 50	49
Bảng 1.2	Số lượng nhập khẩu công nghệ mới của Trung Quốc	50
Bảng 1.3	Chuyển giao công nghệ quốc tế	52
Bảng 1.4	Số vụ nhập công nghệ qua các năm	53
Bảng 1.5	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	54
Bảng 1.6	Tình hình các ngành nhập công nghệ	54
Bảng 1.7	Con đường học tập công nghệ mới và công nghệ nước ngoài của các doanh nghiệp Hàn Quốc	55
Bảng 1.8	Quy mô tương đối của du nhập công nghệ	57
Bảng 1.9	Loại hình công nghệ tiếp nhận	58
Bảng 1.10	Xu hướng trong chuyển giao công nghệ ở Hàn Quốc	59
Bảng 2.1	Tình hình chào bán công nghệ, thiết bị ở một số Techmart	71
Bảng 2.2	Số lượng các đơn vị tham gia một số Techmart	72
Bảng 2.3	Số liệu thống kê của các kỳ Techmart khu vực và quốc gia	73
Bảng 2.4	Phân loại các doanh nghiệp theo trình độ công nghệ	74
Bảng 2.5	Những nguyên nhân khiến thị trường công nghệ ở Việt Nam chưa phát triển	82
Bảng 2.6	Bằng độc quyền sáng chế đã được cấp từ 1981-2009	83
Bảng 2.7	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã được cấp từ 1990 -2009	84
Bảng 2.8	Giấy chứng nhận đăng ký NHHH đã được cấp từ 1982-2009	85
Bảng 2.9	Giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý đã được cấp từ 2001-2009	86
Bảng 2.10	Số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN từ 1995-2009	87

Bảng 2.11	Luỹ kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 7/2010	89
Bảng 2.12	Luỹ kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 7/2010 theo hình thức đ.tư	92
Bảng 2.13	Luỹ kế các dự án còn hiệu lực đến tháng 7/2010 phân theo các nước và vùng lãnh thổ	93
Bảng 2.14	Số Hợp đồng CGCN đã được phê duyệt, đăng ký đến tháng 8/2010	97
Bảng 2.15	Số Hợp đồng được phê duyệt theo lĩnh vực, ngành kinh tế đến năm 2005	99
Bảng 2.16	Số Hợp đồng được phê duyệt theo nước chuyển giao đến 2005	100
Bảng 2.17	Số Hợp đồng CGCN được đăng ký theo lĩnh vực	101
Bảng 2.18	Số Hợp đồng CGCN đã đăng ký theo nước	102

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, khoa học và công nghệ không chỉ là lực lượng sản xuất trực tiếp, mà còn là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết Trung ương lần thứ 2 Khoá VIII đã nêu rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về phát triển khoa học và công nghệ: "Cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phải bằng và dựa vào khoa học và công nghệ".

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, để đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của từng ngành và của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đối với một nước đang trong quá trình chuyển đổi kinh tế như Việt Nam, trong những năm tới chủ yếu phải dựa vào việc nhập các công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển nhằm tranh thủ và tận dụng lợi thế của nước đi sau, tiết kiệm chi phí R & D trong điều kiện đất nước còn có nhiều khó khăn về nguồn vốn cho phát triển và có thể tiếp cận ngay được những công nghệ hiện đại, tiên tiến trên thế giới mà trong nước chưa có.

Trong những năm qua, đồng thời với việc ban hành và thực hiện các chính sách đổi mới kinh tế, Đảng và Nhà nước ta đã chú trọng đến việc thu hút công nghệ từ nước ngoài và đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ của đất nước. Cùng với Luật Đầu tư (2005) (trước đó là Luật đầu tư nước ngoài vào Việt Nam ban hành tháng 12 năm 1987 được sửa đổi, bổ sung nhiều lần), các văn bản quy phạm pháp luật về khoa học công nghệ và chuyển giao công nghệ cũng đã được ban hành: Luật Khoa học và công nghệ (2000), Luật Sở hữu trí tuệ (2005), Luật Chuyển giao công nghệ (2006), Luật công nghệ cao (2008) v.v...

Tuy nhiên, hoạt động chuyển giao công nghệ nói chung và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam nói riêng thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Trình độ công nghệ trong các ngành kinh tế kỹ thuật chuyển biến chậm. Hàm lượng công nghệ trong các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ đặc biệt là các hàng hóa xuất khẩu còn thấp. Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp chậm được nâng cao. Một trong những nguyên nhân làm cho hoạt

động chuyển giao công nghệ chưa thực sự được đẩy mạnh là do hệ thống các chính sách về chuyển giao công nghệ và thu hút công nghệ chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập, mức độ tác động còn hẹp và hiệu quả thực hiện chưa cao. Chính vì vậy, vấn đề đặt ra là cần nghiên cứu một cách hệ thống, cả lý luận lẫn thực tiễn, đánh giá thực trạng chuyển giao công nghệ nói chung và đặc biệt chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam nói riêng, phân tích, làm rõ nguyên nhân của các hạn chế từ khía cạnh chính sách. Trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc thu hút công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, góp phần thực hiện thành công mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thu hẹp dần khoảng cách công nghệ giữa nước ta với các nước trong khu vực trên thế giới.

Luận án “*Chính sách thu hút công nghệ nước ngoài vào Việt Nam*” được thực hiện nhằm giải quyết vấn đề đặt ra này.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án

2.1. Mục tiêu của Luận án

Trên cơ sở nghiên cứu về mặt lý luận, đồng thời phân tích, đánh giá thực trạng chính sách thu hút công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, phân tích nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đổi mới, phát triển công nghệ của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các hướng công nghệ ưu tiên, Luận án đề xuất hệ thống đồng bộ các giải pháp chủ yếu nhằm đổi mới, hoàn thiện chính sách thu hút công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam. Trên cơ sở đó, hình thành các chính sách đủ mạnh, có tính thực thi cao, phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm tạo môi trường thuận lợi, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động chuyển giao công nghệ, thu hút được công nghệ tiên tiến của nước ngoài vào Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2015.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án

- Nghiên cứu và phát triển cơ sở lý luận liên quan đến chuyển giao công nghệ và chính sách thu hút công nghệ từ nước ngoài.

- Đánh giá thực trạng chuyển giao công nghệ thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam thời gian qua, đặc biệt từ khi thực hiện chính sách đổi mới, phân

tích các nguyên nhân thành công và chưa thành công về mặt chính sách đối với hoạt động thu hút chuyển giao công nghệ thông qua các dự án đầu tư nước ngoài.

- Trên cơ sở phân tích xu thế phát triển khoa học và công nghệ, các xu hướng phát triển của các tập đoàn, các Công ty xuyên quốc gia trên thế giới, đánh giá nhu cầu phát triển công nghệ của Việt Nam, kết hợp với việc tìm hiểu kinh nghiệm về chính sách chuyển giao công nghệ của một số nước, Luận án kiến nghị hệ thống các giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút chuyển giao công nghệ trong đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và thông qua các kênh chuyển giao công nghệ khác đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Luận án

- Đối tượng nghiên cứu là chính sách thu hút công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu của Luận án tập trung vào việc phân tích các chính sách thu hút công nghệ nước ngoài vào Việt Nam thông qua các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam và các kênh khác nhau từ khi thực hiện chính sách đổi mới đến nay.

4. Tình hình nghiên cứu liên quan tới luận án

Ở nước ngoài, hầu hết các nghiên cứu chỉ đề cập tới chính sách phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ, hầu như rất ít công trình chuyên nghiên cứu chính sách thu hút công nghệ nước ngoài. Đáng chú ý nhất trong số các công trình đã được công bố (có dịch sang Tiếng Việt) là cuốn “Phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ ở Châu Á” (Nhà xuất bản Bunshindo, Nhật bản) của tác giả Lâm Trác Sử. Các tác giả chủ yếu phân tích các mô hình và chính sách phát triển công nghệ nói chung của một số các quốc gia Đông Á, điển hình nhất là mô hình Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Công trình nghiên cứu “Technological Independence–The Asian Experience” của United Nations University, Nhật Bản chủ yếu nghiên cứu về chính sách công nghệ các quốc gia Châu Á trong các thời kỳ các nước tiếp nhận công nghệ của Hoa Kỳ và Châu Âu. Nhìn chung, các công trình đã công bố trên thế giới chủ yếu tập trung nghiên cứu chính sách phát triển công nghệ